

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINH LÂM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINH LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LAM CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108093384

**3. Ngày thành lập:** 13/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 158 Hoa Bằng, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975.482.464

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321        |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại;<br>- Bán buôn sắt, thép;<br>- Bán buôn kim loại khác;<br>- Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác; (Trừ vàng miếng, vàng thỏi)                                                                                                     | 4662        |
| 3.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8130        |
| 4.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5224        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ:<br>- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá;<br>- Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy | 5221        |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4100(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng | 4329 |
| 8.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                            | 4752 |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                             | 8299 |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ<br><br>Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br><br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                       | 7710 |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                                                   | 4649 |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br><br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                     | 4932 |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5210 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0990 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.                                                                                    | 4659 |
| 17. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>Chi tiết:<br>- Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác;<br>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống;<br>- Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng;<br>- Vệ sinh máy móc công nghiệp;<br>- Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...;<br>- Vệ sinh đường xá;<br>- Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng;<br>- Quét đường và cào tuyết;<br>- Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu | 8129 |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4210 |
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322 |
| 22. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5510 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng ;<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 24. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0710 |
| 25. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0722 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0730 |
| 27. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8121 |
| 28. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4220 |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp<br>- Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; đập và đê<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời           | 4290 |
| 30. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0810 |
| 31. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5629 |
| 32. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633 |
| 33. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311 |
| 34. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312 |
| 35. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5630 |
| 36. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632 |
| 37. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim | 4663 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VIỆT ANH  | Thôn Đông Phú, Xã Hoàng Lộc, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    | B8538396                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ THỊ KIM CHUNG | 165 Phố Nối, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    | 145365347                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN BÁ DŨNG     | Khối 2B, Thị trấn Tân Lạc, Huyện Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    | 187252678                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B8538396

Ngày cấp: 11/11/2013

Nơi cấp: Cục quản lý Xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Phú, Xã Hoàng Lộc, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 11-05, tòa B2, Chung cư CT1, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

